TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ TỈNH HÀ TĨNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 14/8/2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ-TỈNH HÀ TĨNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hữu và Ông Hoàng Đình Lộc.

***Thư ký phiên tòa**:* Bà Hà Thị Vân Nga, *cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Hôm nay vào hồi 14 giờ, ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐ-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 135/TB-TA, ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
(*Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt*)
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ vào ngày 08/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh T1 về sống chung

với bố mẹ anh T1 ở thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên đi uống rượu về rồi bạo hành đánh đập chị. Đỉnh điểm là đến khoảng tháng 3/2017 thì anh T1 đã đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị mang theo con đi về quê ở xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010. Nguyện vọng ban đầu của chị là được quyền nuôi con, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị đã có đơn đề nghị Tòa xem xét hoàn cảnh của chị hiện nay, đang đi làm công nhân ở Miền nam không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 27/7/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Quá trình làm việc, tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn, chung sống anh T1 thống nhất như chị T trình bày. Về thời gian bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn là vào khoảng tháng 3 năm 2017, nguyên nhân là do giữa anh và bố mẹ vợ có sử hiểu nhầm nhau nên chị T tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay không về. Nhưng anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hòa giải đoàn tù được nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010. Anh T1 không đồng ý ly hôn, nếu có ly hôn thì anh có nguyện vọng được quyền nuôi con.

Còn về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 lên làm việc nhưng anh vẫn không đến nên Tòa án đã trực tiếp về tại địa phương để tiến hành hòa giải nhưng anh T1 không chấp hành. Vì thế Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị T và anh T1 sinh sống, quá trình làm việc đại diện chính quyền địa phương cho biết: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T và anh T1 chung sống khá hòa thuận, nhưng kể từ khi chị T sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu về gây sự còn chị T lại không biết nhún nhường nên nhiều lần xảy ra bạo hành đánh đập nhau, hàng xóm láng giềng đã khuyên giải rất nhiều nhưng không có kết quả. Vì thế chị T đã bỏ nhà đi hơn 01 năm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì vi phạm.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các bên đương sự có quyền đi lại chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở. Anh T1 có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Nguyên đơn chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1, anh T1 có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Cao Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử sơ thẩm hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo trình bày của các bên đương sự là chưa thống nhất, nhưng qua xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú phản ánh, cuộc sống đời thường giữa vợ chồng chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình nên chị T đã bỏ đi được hơn 01 năm nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 lên làm việc nhưng anh T1 không hợp tác chấp hành. Bản thân anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hòa giải đoàn tụ nhưng lại không có hành động việc làm cụ thể, thể hiện thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ gia đình. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là không còn ý nghĩa trên thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do vậy, nên xử chấp nhận ly hôn giữa chị T và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51và Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010, hiện tại cháu đang sống cùng với anh T1 và ông bà nội. Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu T2 sau khi bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì hiện tại chị T đang đi làm công nhân ở Miền nam, công việc lại không ổn định nên không có điều kiện về kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng con đồng thời chị cũng có đơn đề nghị Tòa án cho anh T1 được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Hơn nữa, cháu T2 hiện đang sống với anh T1 và ông bà nội, anh T1 cũng đã có nơi ăn chốn ở ổn định có thể đảm bảo chăm sóc con tốt hơn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy rằng căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên đương sự cũng như để tạo điều kiện cho sự phát triển ổn định, bình thường của cháu, Tòa án cần giao con chung cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4]. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu giải quyết chỉ đề đạt nguyện vọng sẽ chu cấp theo năng lực và khẳng định nếu sau này anh T1 có yêu cầu chị T sẽ đáp ứng theo quy định pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T1 không hợp tác, không đồng ý ly hôn và chỉ yêu cầu chị T về đoàn tụ gia đình mà không thể hiện quan điểm về trách nhiệm cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét trách nhiệm cấp dưỡng trong vụ án này. Anh T1 có quyền khởi kiện yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] .Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T.

[1]. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

[2].*Về con chung*: Giao con chung cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/12/2010 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ18 tuổi). Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền khởi kiện yêu cầu chị Cao Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên miễn xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0003095, ngày 13/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà. Anh Nguyễn Văn T1 không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Đ, huyện Thạch Hà;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn